

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16 /2019/HNGĐST
Ngày 17/7/2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Trọng Thịnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang, Ông Nghiêm Đình Chế

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2019/TLST- HNGĐ ngày 15/5/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/7/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972

Trú tại: thôn Diên Lộc, xã Hoà Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1972.

Trú tại: thôn Diên Lộc, xã Hoà Tiến huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Th trình bày: anh sống chung cùng chị Lê Thị L từ ngày 02/11/1991 đến nay xong anh và chị L không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn là do chị L sống bất đồng với những người thân trong gia đình anh, ngoài ra chị L còn có quan hệ với người đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm tới ai, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể đoàn tụ được anh xin được ly hôn chị L.

Về con chung: Trong thời gian anh chung sống với chị L vợ chồng có 03 con chung gồm: cháu Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1992, cháu Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 15/5/2005. Đến nay cháu Ph cháu Ng đã trưởng Th nên không đề nghị Toà án giải quyết, còn cháu N anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng và thể theo nguyện vọng của cháu N xin được ở với chị L.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Đơn xin ly hôn; Đơn xin xác nhận về việc đăng ký kết hôn ngày 27/3/2019; CMTND, sổ hộ khẩu (bản phô tô); Giấy khai sinh của cháu N; Trích lục khai sinh của cháu Ng, cháu Phổ (phô tô). Anh Th đã thực hiện việc gửi tài liệu cho bị đơn.

Phía bị đơn là chị L trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh Th về thời gian vợ chồng chung sống với nhau cũng như thời gian vợ chồng sống hoà thuận, thời gian mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng ly thân là đúng, còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống của vợ chồng không đồng nhất quan điểm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh Th có đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con về tên tuổi và ngày tháng năm của các cháu như anh Th trình bày hoàn toàn chính xác. Riêng cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 15/5/2005 nay ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Th phải góp phí tổn nuôi con và cũng thể theo nguyện vọng của cháu N xin được ở với chị.

Về tài chung vợ chồng, công sức, công nợ: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Hoà Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh về việc đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị L vào năm 1991 thì hiện tại UBND xã không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1991.

Tại phiên Toà anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn chị Lê Thị L, con chung đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu N phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết. Tài sản, công sức, công nợ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cũng tại phiên Toà chị L đồng ý ly hôn anh Th và xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N không yêu cầu anh Th phải góp phí tổn. Tài sản, công sức, công nợ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 14, điều 53, 58, 81, 82 và 83. Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Xử không công nhận anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 15/5/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 02/11/1991 đến nay anh Th chị L vẫn chưa có đăng ký kết hôn, nay anh Th có đơn xin ly hôn chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc anh Th chị L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng vẫn chưa có đăng ký kết hôn nay anh Th xin ly hôn chị L thì không công nhận anh Th chị L là vợ chồng theo điều 14, 15 Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000.

Về con chung: Vợ chồng anh Th chị L có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1992, cháu Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 15/5/2005, nay cháu Ph và cháu Ng đã trưởng Th nên không đề cập giải quyết, còn cháu N hiện nay cháu đang ở cùng chị L, nay ly hôn chị L xin được tiếp tục nuôi cháu N và theo nguyện vọng của cháu N là xin được ở với chị L. Hội đồng xét xử thấy tránh để sáo trộn nên cần giao cháu N cho chị tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản, công sức, công nợ: Quá trình làm việc tại Toà án anh Th, chị L đều không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 15, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ điểm b, mục Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của UBTVQH hướng dẫn thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Th về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Không công nhận anh Nguyễn Văn Th và chị Lê Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 15/5/2005 cho chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: không đặt ra giải quyết.

Công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000528 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- CC THADS huyện Yên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**T.M hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lương Trọng Thịnh